|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 366/HD-UBND | *Quận 3*, *ngày 28 tháng 5 năm 2019* |

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC MẪU BIỂU TỔNG HỢP**

**CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2019**

**I. LƯU Ý CHUNG:**

**1.** Nhập đầy đủ thông tin vào từng ô trong các biểu mẫu theo đúng hướng dẫn. *Không điền vào các ô gạch chéo.*

**2.** ***Không thay đổi định dạng*** (không thêm bớt dòng, cột) của biểu mẫu. *Dòng, cột nào mà cơ quan, đơn vị không có đối tượng tương ứng (hoặc không có thông tin, số liệu phù hợp) thì để trống.*

**3.** Tổng hợp thông tin của **toàn bộ** *cán bộ, công chức* theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và *viên chức* theo quy định của Luật Viên chức (tất cả những đối tượng thuộc biên chế). ***Không tổng hợp các trường hợp lao động hợp đồng*** (hợp đồng tạm tuyển, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP…). *Trường hợp nào kiêm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý thì chỉ tổng hợp theo 01 chức vụ chính đang đảm nhận.*

***4.*** *Định kỳ ngày 20 của tháng cuối mỗi quý*, các cơ quan, đơn vị *rà soát, cập nhật bổ sung đối với cán bộ, công chức, viên chức có thay đổi về thông tin (không gửi lại toàn bộ danh sách; nếu không có thay đổi thì có văn bản thông tin cụ thể).*

**5.** Những trường hợp đã có kết quả tốt nghiệp cuối khóa là “Đạt”, đang chờ cấp bằng, chứng chỉ, các trường hợp đang theo học hoặc đã có Thông báo nhập học thì đánh dấu X vào các cột “Đạt chuẩn” tương ứng ***(trừ Chuyên môn, nghiệp vụ, Ngoại ngữ và Tin học)***. Các trường hợp còn lại thì đánh dấu X vào “Chưa đạt chuẩn”.

**II. HƯỚNG DẪN TỔNG HỢP:**

**1. Mẫu số 4 (dành cho công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận)**

***1.1. Tiêu chuẩn về lý luận chính trị:***

a) Công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý phải có trình độ **Trung cấp lý luận chính trị trở lên**.

Công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý đã có bằng hoặc đang học Trung cấp lý luận chính trị thì đánh dấu X vào Cột số 8; trường hợp nào chưa đạt thì đánh dấu X vào Cột số 9.

***1.2. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:***

Công chức, viên chức phải có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm.

Ví dụ: Giáo viên THCS phải đạt trình độ Cao đẳng trở lên, Giáo viên Tiểu học và mầm non phải đạt trình độ trung cấp trở lên.

Trường hợp nào đã có bằng cấp chuyên môn phù hợp thì đánh dấu X vào Cột số 10; trường hợp nào chưa đạt thì đánh dấu X vào Cột số 11.

***1.3. Tiêu chuẩn về quản lý nhà nước theo ngạch công chức/CDNN viên chức:***

Căn cứ vào hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với chứng chỉ bồi dưỡng giáo để xét đạt chuẩn quản lý nhà nước

Ví dụ: Viên chức là giáo viên trung học cơ sở hạng II phải: “Có *chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II*” Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên trung học sơ sở công lập.

Trường hợp nào đạt chuẩn về quản lý nhà nước thì đánh dấu X vào Cột số 12; trường hợp nào chưa đạt thì đánh dấu X vào Cột số 13.

***Lưu ý****: Giáo viên đang hưởng lương ĐH tương ứng với giáo viên hạng II; Giáo viên hưởng lương Cao đẳng tương ứng với giáo viên hạng III; Giáo viên đang hưởng lương trung cấp tương ứng với giáo viên hạng IV.*

***1.4. Tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học:***

a) Cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn về ngoại ngữ phải có bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ bắt buộc theo *yêu cầu của chức vụ hoặc yêu cầu của tiêu chuẩn ngạch công chức/CDNN viên chức* đang giữ hoặc cao hơn.

Các tiêu chuẩn này được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật và quy định có liên quan.

Ví dụ: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý phải có trình độ ngoại ngữ bậc 2 trở lên, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý phải có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Nếu cán bộ, công chức, viên chức đã có trình độ đại học ngoại ngữ (thuộc 01 trong 05 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức và Trung Quốc) thì được tính là đạt chuẩn.

b) Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và các văn bản có liên quan**[[1]](#footnote-1)**, việc quy đổi các bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ được thực hiện như sau:

- Đối với tiếng Anh:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khung năng lực 6 bậc** | **Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương** | | | | | | | |
| **Chứng chỉ tiếng Anh theo QĐ 177[[2]](#footnote-2)** | **Chứng chỉ tiếng Anh theo QĐ 66[[3]](#footnote-3)** | **IELTS** | **TOEFL** | | | **TOEIC** | **Chứng chỉ khác** |
| ***PBT*** | ***CBT*** | ***iBT*** |
| **Bậc 1** | Trình độ A | A1 | 2.0 |  |  |  | 120 |  |
| **Bậc 2** | Trình độ B | A2 | 3.0 |  |  | 40 | 225 |  |
| **Bậc 3** | Trình độ C | B1 | 4.5 | 450 | 133 | 45 | 450 | - Cambridge Exam: Preliminary PET;  - BCE: Business Preliminary;  - BULATS 40 |
| **Bậc 4** |  | B2 | 5.5 | 500 | 173 | 61 | 600 | - Cambridge Exam: First FCE;  - BCE: Business Preliminary;  - BULATS 40 |
| **Bậc 5** |  | C1 | 6.5 |  |  | 90 | 850 |  |
| **Bậc 6** |  | C2 |  |  |  |  |  |  |

*(Điểm số trên là điểm tối thiểu đạt được ở mỗi trình độ).*

- Đối với ngoại ngữ khác (chỉ công nhận 04 ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Trung Quốc):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khung năng lực 6 bậc** | **Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương** | | | |
| **Tiếng Nga** | **Tiếng Pháp** | **Tiếng Đức** | **Tiếng Trung Quốc** |
| **Bậc 1** |  |  |  |  |
| **Bậc 2** |  |  |  |  |
| **Bậc 3** | TRKI 1 | DELF B1  TCF niveau 3 | B1  ZD | HSK cấp độ 3 |
| **Bậc 4** | TRKI 2 | DELF B2  TCF niveau 4 | B2  TestDaF level 4 | HSK cấp độ 4 |
| **Bậc 5** |  |  |  |  |
| **Bậc 6** |  |  |  |  |

c) Các trường hợp **đã có** bằng cấp, chứng chỉ đạt chuẩn *(không tính các trường hợp đang theo học lớp luyện thi)* về ngoại ngữ theo yêu cầu nêu trên thì đánh dấu X vào Cột số 18; các trường hợp còn lại chưa đạt chuẩn thì đánh dấu X vào Cột số 19.

***1.6. Tiêu chuẩn về trình độ tin học:***

a) Cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn về trình độ tin học phải*“có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin”* hoặc cao hơn.

Nếu đang có ***chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C cấp trước ngày 10 tháng 8 năm 2016*** thì được công nhận tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và được xem xét là đạt chuẩn về trình độ tin học**[[4]](#footnote-4)**.

Các trường hợp có trình độ từ Trung cấp công nghệ thông tin trở lên cũng được tính là đạt chuẩn.

b) Các trường hợp **đã có** bằng cấp, chứng chỉ đạt chuẩn *(không tính các trường hợp đang theo học lớp luyện thi)* về tin học theo yêu cầu nêu trên thì đánh dấu X vào Cột số 20; các trường hợp còn lại chưa đạt chuẩn thì đánh dấu X vào Cột số 21.

***2. Thời gian nộp hồ sơ:***

***Các trường tổng hợp và gửi e-Mail về Phòng giáo dục (Cô Dị nhận) trước ngày 10/6/2019).***

**TRƯỞNG PHÒNG**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Lệ Thủy**

1. Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

   Công văn số 6089/BGDĐT-GDTX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

   Công văn số 2426/GDDT-TC ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2, Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin [↑](#footnote-ref-4)